TÒA ÁN NH DÂN
HUYỆN TÂN T
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:05/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18-01-2021
V/v "Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung"

NH DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH DÂN HUYỆN TÂN T - TỈNH LONG AN

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn H

Các Hội thẩm Nh dân:

1.Ông Hà Minh T

2. Bà Nguyễn Ngọc Nh

-***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Anh K-Thư ký Tòa án Nh dân huyện Tân T.

- Đại diện Viện kiểm sát Nh dân huyện Tân T: Ông Nguyễn Thanh B-Kiểm sát viên.

Các ngày 14 và 18 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án Nh dân huyện Tân T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn Nh và gia đình thụ lý số: 192/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019. Thụ lý bổ sung số 192A/2020/TB-TLVA ngày 07 tháng 02 năm 2020. Thụ lý bổ sung số 192B/2020/TB-TLVA ngày 05 tháng 6 năm 2020 về việc "Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1.***Nguyên đơn***: bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp Trại Lòn Bắc, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An (có mặt).

2.***Bị đơn***: ông Bùi Văn H, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp Tân Chánh A, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An (có mặt).

3.***Người có quyền lợi, nghĩa vụ Lên quan***:

-Ông Nguyễn Văn L sinh năm 1965

-Bà Phan Thị M, sinh năm 1966

Cùng địa chỉ: ấp Trại Lòn Bắc, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị M: ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp Trại Lòn Bắc, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An (Văn bản ủy quyền ngày 23/6/2020),(có mặt).

-Ông Nguyễn Minh Nh, sinh năm 1982

-Bà Trương Thị Thùy Tr, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: ấp Trại Lòn Bắc, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Minh Nh, bà Trương Thị Thùy Tr: ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp Trại Lòn Bắc, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An (Văn bản ủy quyền của ông Nh ngày 04/3/2020; văn bản ủy quyền của bà Tr ngày 05/3/2020),(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và các lời khai của bà Nguyễn Thị Trúc L trình bày: Bà và ông H chung sống năm 2006 đến ngày 03/10/2006 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An. Trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc cho đến năm 2015 xảy ra mâu thuẫn là do ông H nhậu nhẹt và nghi ngờ bà mua bán lúa đi sớm về khuya nên hai bên thường xuyên cự cãi với nhau, đến tháng 5/2017 bà với ông H sống ly thân. Nay về tình cảm bà xin ly hôn ông H.

Về con chung: Bà sống với ông H có 01 con chung tên Bùi Nguyễn Bảo D, sinh ngày 01/12/2007. Nay bà yêu cầu nuôi con và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng đến khi đủ 18 tuổi và yêu cầu cấp dưỡng 01 lần.

Về tài sản chung gồm có: Thửa 46 diện tích 8.951m^2, thửa 1999 diện tích 2.957m^2, thửa 1998 diện tích 719m^2 thuộc tờ bản đồ số 6 vị trí tại ấp Tân Chánh A, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An. Ngoài ra có thửa 1458 diện tích 3.315m^2 tờ bản đồ số 6 vị trí ấp Trại Lòn Bắc, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An. Nay về tài sản chung bà L yêu cầu chia đôi.

Về nợ chung: Ngày 17/8/2016 bà và ông H có mượn của ông Nguyễn Văn L và bà Phan Thị M (cha mẹ của bà L) 100.000.000đồng trả tiền thay ông Bùi Văn K (chết năm 2020) vay Ngân hàng để rút giấy chứng nhận quyền sử dụng (viết tắt CNQSD) đất của ông K ra làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà L và ông H. Đến ngày 30/4/2018 bà trả cho ông L, bà M 50.000.000đồng không có mặt ông H, nên còn nợ lại 50.000.000đồng. Nay bà đồng ý cùng với ông H trả số tiền nợ 50.000.000đồng cho vợ chồng ông L, bà M.

Bị đơn ông Bùi Văn H trình bày: Ông và bà L có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại UBND xã Nhơn N, huyện Tân T. Sau khi kết hôn ông và bà L sống hạnh phúc được thời gian dài thì xảy ra mâu thuẫn là do bà L hay đi sớm về đến nhà

khoảng 2 đến 3 giờ sáng, nên hai bên đã sống ly thân từ năm 2017. Nay bà L yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

Về con chung như lời trình bày của bà L có 01 con tên Bùi Nguyễn Bảo D, sinh ngày 01/12/2007. Nay bà L yêu cầu nuôi con ông đồng ý và chấp nhận cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng.

Về tài sản chung: Đúng như lời trình bày của bà L, nhưng ông yêu cầu như sau: Thửa 1998 diện tích 719m^2(đất trồng cây lâu năm), thửa 1999 diện tích 2.975m^2, thửa 46 diện tích 8.951m^2 tờ bản đồ số 6 vị trí ấp Tân Chánh A, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An của cha, mẹ ông cho, nên ông yêu cầu được giữ lại đồng ý chia bằng ½ giá trị cho bà L. Về phần đất thửa 1458 tờ bản đồ số 6 diện tích 3.277m^2 vị trí ấp Trại Lòn Bắc, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An ông giao bà L sử dụng.

Về nợ chung: Ngày17/8/2016 vợ chồng ông có mượn của ông L, bà M 100.000.000đồng mục đích trả tiền Ngân hàng do cha ruột của ông là ông Bùi Văn K (chết năm 2020) vay có thế chấp giấy CNQSD đất để rút giấy CNQSD đất của ông K ra để làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho ông và bà L. Còn số tiền nợ ông L khi bà L trả tiền thì không có mặt ông, sau đó bà L có nói lại ông có trả tiền ông L, bà M chứ không biết trả bao nhiêu. Nay ông L yêu cầu ông và bà L mỗi người trả 25.000.000đồng thì ông không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn L, bà Phan Thị M, người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị M có ông Nguyễn Văn L trình bày: Ngày 17/8/2016 cho vợ chồng bà L và ông Hmượn 100.000.000đồng trả tiền vay Ngân hàng để lấy giấy CNQSD đất của ông Bùi Văn K (là cha của ông H) thế chấp Ngân hàng ra để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà L, ông H. Khi cho mượn tiền có mặt vợ chồng bà L, ông H. Đến ngày 30/4/2018 vợ chồng bà L, ông H có trả 50.000.000đồng nên còn nợ lại 50.000.000đồng đến nay không trả. Nay yêu cầu bà L và ông H trả số tiền còn nợ 50.000.000đồng.

Ông Nguyễn Minh Nh, bà Trương Thị Thùy Tr, người đại diện theo ủy quyền ông Nh, bà Tr có ông Nguyễn Văn L trình bày: Phần đất bà L, ông H yêu cầu giải quyết thửa 1458 tờ bản đồ số 6 diện tích 3.277m^2 vị trí ấp Trại Lòn Bắc, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An là vợ cHng ông Nh và bà Tr canh tác. Nay vợ chồng ông Nh, bà Tr đồng ý giao trả lại phần đất này cho bà L, ông H và đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp "Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung" theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS) năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định khoản 1 Điều 203 BLTTDS năm 2015.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định tại Điều 51, 53 BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Tư cách đương sự trong vụ án được xác định đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS năm 2015.

Đối với nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tham gia đầy đủ giấy triệu tập của Tòa án và chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 BLTTDS 2015.

Về việc giải quyết vụ án tranh chấp ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Trúc L với ông Bùi Văn H, sau khi nghiên cứu các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nhận thấy:

Bà L và ông H đăng ký kết hôn năm 2006 tại UBND xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An. Sau khi kết hôn cả hai sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn cải vã thường xuyên kéo dài đến năm 2017 thì cả hai sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân do ông H hay nghi ngờ bà L đi mua lúa khi về sớm khi về tối và có đánh bà L. Tại phiên tòa, cả hai bà L và ông H thống nhất được ly hôn, nên chấp nhận sự tự nguyện này.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Bảo D, sinh ngày 01/12/2007. Tại bản tự khai cháu D có nguyện vọng được sống với bà L, cũng như bà L xin được nuôi con và yêu cầu ông H cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đồng đến khi cháu D tròn 18 tuổi được ông H chấp nhận, nên công nhận sự tự nguyện này.

Về tài sản chung quyền sử dụng đất: Bà L và ông H thống nhất gồm các thửa 46, 1998, 1999 tờ bản đồ số 6 vị trí ấp Tân Chánh A, xã nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An và thửa 1458 tờ bản đồ số 6 vị trí ấp Trại Lòn Bắc, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An, tại phiên tòa bà L và ông H đều đồng ý chia đôi có cơ sở.

Về nợ chung: Tại phiên tòa, ông H và bà L thừa nhận ngày 17/8/2016 mượn của ông L, bà M 100.000.000đồng để trả Ngân hàng rút giấy CNQSD đất của ông Bùi Văn K ra làm thủ tục sang tên cho vợ chồng ông. Đến ngày 30/4/2018 bà L có trả ông L 50.000.000đồng còn nợ lại 50.000.000đồng, do đó ông H không đồng ý trả là không có cơ sở. Nay ông L yêu cầu bà L và ông H mỗi người có trách nhiệm trả 25.000.000đồng có cơ sở.

Căn cứ Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*:

Bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Bùi Văn H đăng ký kết hôn ngày 03/10/2006 tại UBND xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An nên xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nay bà L xin ly hôn. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Về nội dung vụ án:*

2.1. *Về hôn Nh:*

Sau khi kết hôn bà L và ông H về sống bên gia đình bà L tại ấp Trại Lòn Bắc, xã Nhơn N, huyện Tân T sống với nhau hạnh phúc được thời gian dài, cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn tình cảm giữa vợ chồng với nhau, nên bà L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn ông H.

Xét thấy nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà L và ông H là do bà L làm nghề mua bán lúa thường hay đi sớm về tối, từ đó ông H có nghi ngờ nhưng bà L không giải thích rõ nên hai bên thường xuyên xảy ra cự cãi với nhau. Ngoài ra, trong thời gian chung sống giữa bà L và ông H về tiền bạc không rõ ràng, do đó khi ông H đi nhậu về có chửi và đánh bà L, sự việc này được cha, mẹ hai bên dàn xếp và xây dựng nhưng bà L và ông H không hàn gắn được tình cảm dẫn đến mâu thuẫn ngày thêm trầm trọng, nên bà L và ông H đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2017 đến nay. Tại phiên tòa, bà L và ông H tự nguyện thuận tình ly hôn. Căn cứ Điều 51, 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà L với ông H là phù hợp theo đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] *Về con chung:* Tại phiên tòa bà L và ông H thống nhất trong thời gian chung sống với nhau có 01 người con chung tên Bùi Nguyễn Bảo D, sinh ngày 01/12/2007 hiện nay đang sống với bà L. Xét thấy, từ khi bà L và ông H sống ly thân cháu D sống chung với bà L, nên tại phiên tòa bà L yêu cầu được nuôi con phía ông Hđồng ý là phù hợp. Bởi tại bản tự khai ngày 03/7/2019 của cháu Bùi Nguyễn Bảo D có nguyện vọng sống với bà L. Căn cứ Điều 55, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận nuôi con giữa bà L với ông H, nên bà L được quyền nuôi con tên Bùi Nguyễn Bảo D.

3.1.*Về cấp dưỡng nuôi con*: Tại phiên tòa bà L yêu cầu ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng, ông H đồng ý. Xét thấy, việc bà L và ông H thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con của bà L và ông H. Tuy nhiên, về thời gian cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa bà L yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con từ tháng 09/2019, ông H không đồng ý mà chỉ đồng ý cấp dưỡng từ tháng 01/2021. Xét thấy, từ tháng 5/2017 bà L và ông H đã sống ly thân nên cháu D sống với bà L còn ông H về bên cha, mẹ ruột sống tại ấp Tân Chánh A, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An, vì vậy việc chăm sóc và giáo

dục con chưa thành niên là nghĩa vụ của cha, mẹ và hiện nay cháu D đang còn đang đi học cần có chi phí cho nhu cầu sinh hoạt là cần thiết, do đó bà L yêu cầu cấp dưỡng tính từ tháng 9/2019 có cơ sở. Căn cứ Điều 82, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử buộc ông H cấp dưỡng nuôi con thời gian từ tháng 09/2019 đến khi cháu D đủ 18 tuổi theo đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] *Về tài sản chung*: Tại phiên tòa, bà L và ông H thừa nhận tài sản chung gồm: Thửa 46 diện tích 8.951m^2, thửa 1998 diện tích 719m^2 và thửa 1999 diện tích 2.957m^2 thuộc tờ bản đồ số 6 vị trí ấp Tân Chánh A, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An. Ngoài ra, thửa 1458 diện tích 3.277m^2 tờ bản đồ số 6 vị trí ấp Trại Lòn Bắc, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An, nhưng hai bên không thống nhất chia tài sản cụ thể: bà L yêu cầu chia đôi tài sản là ½ diện tích đất của thửa 1998, 1999, 46 còn ông H đồng ý nhưng chia bà L giá trị bằng tiền của thửa đất 1998, 1999, 46. Đối với thửa 1458 bà L đồng ý chia đôi đất, ông H thống nhất giao bà L sử dụng và chia lại ½ giá trị theo biên bản định giá.

Xét thấy ngày 27/02/2017 ông Bùi Văn K, bà Âu Thị E là cha mẹ của ông Bùi Văn H có tặng cho quyền sử dụng đất cho ông H và bà L 01 phần thửa 194 diện tích 719m^2 được chỉnh lý thửa mới 1998 diện tích 719m^2, 01 phần thửa 131 diện tích 2.957m^2 được chỉnh lý thửa mới 1999 diện tích 2.957m^2 và thửa 46 diện tích 8.951m^2 tờ bản đồ số 6, vị trí ấp Tân Chánh A, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An, đến ngày 14/3/2017 bà L và ông H được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp giấy CNQSD đất số CH 627250. Cho thấy thửa 1998, 1999, 46 tờ bản đồ số 6, vị trí ấp Tân Chánh A, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An là thuộc quyền sử dụng của bà L và ông H từ ngày 14/3/2017, do đó ông H yêu cầu được sử dụng thửa 1998 và đồng ý chia cho bà L ½ diện tích giá trị bằng tiền theo Hội đồng định giá 1m^2 = 110.000đồng x 719m^2 = 79.090.000đồng thì bà L được chia ½ giá trị bằng tiền 39.545.000đồng là có cơ sở theo đề nghị của Kiểm sát viên. Bởi thửa 1998 trước khi chỉnh lý là thửa 194 đến năm 2017 được chỉnh lý tách thành thửa mới 1998 tờ bản đồ số 6 vị trí ấp Tân Chánh A, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An. Ngoài ra, tại Quyết định số 75/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban Nh dân tỉnh Long An "Về việc Quy định về diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở và đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá Nh trên địa bàn tỉnh Long An" do thửa 1998 là đất trồng cây lâu năm nếu yêu cầu của bà L chia ½ diện tích thì phải tách thêm thửa mới thì không đủ diện tích tối thiểu theo khoản 3 Điều 8 Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Long An quy định.

Còn thửa 1999 (đất lúa) diện tích 2.957m^2 tờ bản đồ số 6 vị trí ấp Tân Chánh A, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An, ông H yêu cầu được sử dụng và đồng ý chia bà L ½ diện tích giá trị bằng tiền theo Hội đồng định giá 1m^2 = 55.000đồng x 2.957m^2 = 162.635.000đồng thì bà L được chia ½ giá trị bằng tiền 81.317.500đồng do ông Hgiao lại là có cơ sở. Bởi thửa 1999 tiếp giáp ranh đất với thửa 1998 và là

đất lúa nếu trồng lúa thì lấy nguồn nước từ đầu Kênh 5.000 dẫn qua thửa 1998 nhưng thửa 1998 giao cho ông H sử dụng.

Đối với thửa 46 (đất lúa) diện tích 8.951m^2 tờ bản đồ số 6 vị trí ấp Tân Chánh A, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An, bà L yêu cầu chia ½ diện tích đo từ hướng Nam đến hướng Bắc mà nằm về hướng Đông để có đường bơm nước. Tuy nhiên, thửa đất 46 tại biên bản xem xét, thẩm định tại chổ ngày 17/12/2019 của Tòa án ở thửa số 46 có phần mộ của người thân gia đình ông H, nếu chia ½ diện tích đất cho bà L thì gặp nhiều khó khăn, do đó ông H đồng yêu cầu được sử dụng và đồng ý chia bà L ½ diện tích giá trị bằng tiền theo Hội đồng định giá 1m^2 = 55.000đồng x 8.951m^2 = 492.305.000đồng thì bà L được chia ½ giá trị bằng 246.152.500đồng do ông Hgiao lại là có cơ sở.

Về thửa 1458 tờ bản đồ số 6 vị trí ấp Trại Lòn Bắc, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An, theo lời khai ngày 27/02/2020 của vợ cHng ông Nh và bà Tr thửa đất này ông Lên, bà M tặng cho bà L, ông H, đến ngày 29/01/2010 bà L và ông H được cấp giấy CNQSD đất, nên ông Nh và bà Tr trả lại thửa 1458 cho vợ chồng ông H. Tại phiên tòa, ông L thừa nhận, cho nên xác định tài sản chung của bà L và ông H và hiện nay bà L đang sử dụng, do đó không xem xét nghĩa vụ của ông Nh và bà Tr đối với thửa 1458 tờ bản đồ số 6 vị trí ấp Trại Lòn Bắc, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An.

Tại phiên tòa, ông H và bà L đồng ý chia đôi, tuy nhiên về nguồn gốc đất thửa 1458 của ông Nguyễn Văn L và bà Phan Thị M tặng cho vợ cHng ông H và bà L, do đó ông H giao thửa 1458 cho bà L được sử dụng và ông chấp nhận giá trị bằng tiền theo Hội đồng định giá 1m^2 = 55.000đồng x 3.277m^2 = 180.235.000đồng nên ông H được chia ½ giá trị bằng tiền 90.117.500đồng do bà L giao lại là phù hợp. Bởi thửa đất 1458 vị trí tiếp giáp với đất của ông L, bà M và ông Nh là người thân trong gia đình bà L.

Còn đối với tài sản trên đất, tại biên bản xem xét, thẩm định tại chổ ngày 17/12/2019 trên thửa đất 1998 có trồng 30 cây mít (ông H trồng) loại E được Hội đồng định giá mỗi cây giá 50.000đồng, tại phiên tòa bà L và ông H không có tranh chấp về cây trồng này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về nợ chung:* bà L và ông H thừa nhận ngày 17/8/2016 có mượn của ông L, bà M 100.000.000đồng để trả tiền vay Ngân hàng của ông Bùi Văn K nhằm mục đích rút giấy CNQSD đất của ông K ra để chuyển quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông H, bà L. Hiện nay ông Bùi Văn K (chết) cũng như thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho ông H và bà L đã xong và vợ chồng ông H được cấp giấy CNQSD đất, nên không đưa người kế thừa quyền, nghĩa vụ ông K vào tham gia tố tụng.

Về số tiền nợ: Tại phiên tòa, ông H trình bày về tiền bạc bà L giữ nên ông biết là bà L có trả cho ông L 100.000.000đồng nên không đồng ý yêu cầu ông L, còn phía bà L trình bày đã trả cho ông L 50.000.000đồng còn nợ lại 50.000.000đồng. Xét thấy, năm 2016 ông H và bà L còn chung sống với nhau và

việc mượn tiền của ông L, bà M để trả tiền thay cho ông K nhằm mục đích làm thủ tục chuyển quyền sử dụng cho ông và bà L đã xong, ngoài ra theo thông báo cung cấp chứng cứ số: 30/2020/TB-TA ngày 12/8/2020 của Tòa án, nhưng đến nay ông H không có giấy tờ hay chứng cứ chứng minh ông đã trả hết số tiền nợ ông L, nên ông L yêu cầu ông H và bà L mỗi người có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 25.000.000đồng, tổng cộng 50.000.000đồng là có căn cứ theo đề nghị của Kiểm sát viên.

[6]Về chi phí: Đo đạc mảnh trích đo địa chính là 7.842.000đồng; chi phí xem xét, thẩm định tại chổ 1.500.000đồng, chi phí Hội đồng định giá 600.000đồng, tổng cộng số tiền 9.942.000đồng. Trong đó bà L phải chịu ½ số tiền là 4.971.000đồng bà L đã nộp xong, ông Hphải chịu ½ số tiền 4.971.000đồng do bà L đã nộp, nên ông H có nghĩa vụ trả lại bà L ½ số tiền 4.971.000đồng.

[7]Về giá đất: Tại biên bản định giá ngày 17/12/2020 của Hội đồng định giá gồm: đất CLN (trồng cây lâu năm) giá 1m^2 là 110.000đồng và đất CHN (lúa) giá 1m^2 là 55.000đồng để tính án phí.

[8] *Về án phí sơ thẩm:* Bà L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch và án phí tranh chấp có giá ngạch; ông H phải chịu án phí tranh chấp có giá ngạch và án phí cấp dưỡng nuôi con; ông L do yêu cầu được chấp nhận nên không phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 463 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 51 55, 58, 59, 60, khoản 2 Điều 81, 82, 83, 84, 117 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về tình cảm: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Bùi Văn H.

2.Về con chung: Bà Nguyễn Thị Trúc L được quyền nuôi con tên Bùi Nguyễn Bảo D, sinh ngày 01/12/2007; ông Bùi Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 09/2019 đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

3.Về tài sản chung:

Bà Nguyễn Thị Trúc L được chia ½ giá trị sử dụng đất thửa 1998, 1999 và thửa 46, tổng số tiền 367.015.000đồng (Ba trăm sáu mươi bảy triệu không trăm mười lăm nghìn đồng) do ông Bùi Văn H có nghĩa vụ trả bà L và bà L được quyền

sử dụng đất thửa 1458 tờ bản đồ số 6 vị trí ấp Trại Lòn Bắc, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An (Theo mảnh trích đo địa chính số 117-2020 ngày 11/11/2020 của Công ty TNHH dịch vụ và đo đạc Thanh T).

Ông Bùi Văn H được chia ½ giá trị sử dụng đất thửa 1458 số tiền 90.117.500đồng (Chín mươi triệu một trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng) do bà Nguyễn Thị Trúc L có nghĩa vụ trả ông H và ông H được quyền sử dụng đất thửa 1998, 1999, 46 tờ bản đồ số 6 vị trí ấp Tân Chánh A, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An (Theo mảnh trích đo địa chính số 116-2020 ngày 11/11/2020 của Công ty TNHH dịch vụ và đo đạc Thanh T).

Ông Bùi Văn H có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị Trúc L tiền đo đạc đất, xem xét, thẩm định tại chổ và định giá là 4.971.000đồng (Bốn triệu chín trăm bảy mươi mốt nghìn đồng).

Hai bên bà L và ông H đến cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4.Về nợ chung:

Bà Nguyễn Thị Trúc L có nghĩa vụ trả ông Nguyễn Văn L, bà Phan Thị M số tiền 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng). Ông Bùi Văn H có nghĩa vụ trả ông Nguyễn Văn L, bà Phan Thị M số tiền 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án bên thi hành án chậm trả phải trả số tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp có đơn yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội Liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

5.Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, 22.285.300đồng tiền án phí tranh chấp tài sản và 1.250.000đồng tiền án phí tranh chấp dân sự, tổng cộng 23.835.300đồng tiền án phí, nhưng được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án theo biên lai số 0000591ngày 09/9/2019 và 17.942.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000623 ngày 17/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T, bà L tiếp tục nộp 5.593.300đồng tiền án dân sự sơ thẩm.

Ông H phải chịu 300.000đồng án phí nuôi con, 22.285.300đồng án phí tranh chấp tài sản và 1.250.000đồng tiền án phí tranh chấp dân sự, tổng cộng 23.835.300đồng .

Ông L không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại 1.250.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000790 ngày 07/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND huyện Tân T;*
- *Chi cục THADS huyện Tân T;*
- *Các đương sự;*
- *Cơ quan đăng ký kết hôn;*
- *Lưu Hsơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn H